

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Sinh lý người và động vật

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Giang An

2. Ngày tháng năm sinh: 14/02/1970; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc,
Tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 48, đường Nguyễn Văn Trỗi, khối 9, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, Nghệ An.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Sinh học, trường Sư phạm, Trường đại học Vinh. Số 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0917113270 ;

E-mail: nguyengianganbio@vinhuni.edu.vn

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 8/1995 đến tháng, năm: 7/1996 Giáo viên trường THSP Miền Núi Nghệ An

Từ tháng, năm: 8/1996 đến tháng, năm: 7/2000 Giáo viên trường THSP Nghệ An

Từ tháng, năm: 8/2000 đến tháng, năm: 7/2000 Giáo viên trường CĐSP Nghệ An

Từ tháng, năm Từ tháng 8/2004 đến nay là giảng viên, Trường Đại học Vinh

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng khoa Sinh học ; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng viện Sư phạm tự nhiên.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Sinh học, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ cơ quan: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại cơ quan: 0238 3855452-202

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 8 năm 1994; số văn bằng: 106293; ngành: Cử nhân khoa học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Vinh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 26 tháng 4 năm 2000; Số văn bằng: 15054 được cấp bằng Thạc sỹ khoa học; chuyên ngành Sinh lý người động vật; Trường đại học Sư phạm Vinh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 26 tháng 7 năm 2013; số văn bằng: 003851; ngành Sinh học; chuyên ngành Sinh lý người động vật; Nơi cấp bằng : Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Vinh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Quá trình và kết quả nghiên cứu khoa học tập trung vào hướng chính: *Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong Sinh lý người và động vật.* Hướng nghiên cứu chính này được thể hiện ở hai hướng có liên quan chặt chẽ với nhau: (i) Nghiên cứu sử dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào trong việc tạo kháng nguyên tự nhiên và kháng nguyên tái tổ hợp để sản xuất kháng thể đơn dòng. Đồng thời những kỹ thuật của công nghệ sinh học này sử dụng trong việc chẩn đoán, theo dõi sinh lý bệnh cho người và động vật. (ii) *Nghiên cứu xác định hoạt tính sinh học bằng các thử nghiệm sinh lý tế bào và động vật,* gồm: thử nghiệm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước các hoạt chất có tiềm năng trong trên các dòng vi sinh vật kiểm định, dòng tế bào ung thư, động vật gây u thực nghiệm, kháng oxy hóa....

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 11 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;
- Đã hoàn thành đề tài 05 NCKH, trong đó chủ nhiệm có 03 đề tài NCKH cấp trường, 01 đề tài nhánh cấp nhà nước, 01 đề tài cấp tỉnh.
- Đã công bố (số lượng) 43 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín; Đứng đầu hoặc là tác giả liên hệ 20 bài báo khoa học, trong đó có 04 bài đăng trên tạp chí KH quốc tế.
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng

Bằng khen của Bộ Giáo dục đào tạo Việt Nam năm 2008 vì đã có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và phát triển ngành Sinh học trường Đại học Vinh;

- Bằng khen Công đoàn giáo dục Việt Nam đã có thành tích trong hoạt động công đoàn;

16. Kỷ luật: không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất tư tưởng, chính trị vững vàng, đạo đức tốt, luôn luôn gương mẫu thực hiện các quy định của pháp luật;

- Tận tụy với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, say mê nghiên cứu khoa học, không ngại khó khăn trong nghiên cứu các vấn đề cấp thiết của ngành, của địa phương;

- Được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu thị, tiếp thu các thành tựu của khoa học tiên tiến trên thế giới và trong nước; Luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, sáng tạo, chủ động, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;

- Trung thực trong NCKH, thực hiện tốt các tiêu chuẩn về đạo đức Nhà giáo.

Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không bị kỷ luật; Trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 27 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận TNDH đã hướng dẫn	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015 - 2016	0	0	2	05	271	74,3	719,3/719,3/202,5
2	2016 - 2017	0	0	3	05	285,7	0	525/525/202,5
3	2017 - 2018	0	0	2	01	209,7	82,5	448,2/440,7/182,3

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Nguyễn Trọng Diệu		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2016	Trường Đại học Vinh	16/9/2016
2	Phạm Nguyễn Duy Bình		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2016	Trường Đại học Vinh	16/9/2016
3	Trần Văn Lược		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2017	Trường Đại học Vinh	12/9/2017
4	Nguyễn Thủy Lê		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2017	Trường Đại học Vinh	12/9/2017
5	Vũ Thị Hằng		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2017	Trường Đại học Vinh	12/9/2017
6	Đỗ Đức Cường		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2018	Trường Đại học Vinh	5/10/2018
7	Nguyễn Minh Hòa		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2018	Trường Đại học Vinh	5/10/2018
8	Dương Thị Hồng Công		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2019	Trường Đại học Vinh	30/8/2019
9	Vũ Thị Mộng Mơ		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2020	Trường Đại học Vinh	15/9/2020
10	Nguyễn Thị Giang		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2021	Trường Đại học Vinh	15/10/2021
11	Nguyễn Thị Tố Trang		HVCH	X		Tháng 1 đến tháng 7/2021	Trường Đại học Vinh	11/10/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Trong đó, có 03 sách là giáo trình và sách chuyên khảo mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [1; 2; 3].

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDĐH
I	<i>Trước khi được công nhận TS</i>						
II	<i>Sau khi được công nhận TS</i>						
1	Giải phẫu sinh lý trẻ em	GT	NXB Đại học Vinh, 2016. ISBN: 978-604-923-247-3	02	Chủ biên	Tham gia biên soạn chương 1,2,3,4,7	Hợp đồng biên soạn giáo trình số 45/2016/HĐ-TLGT-ĐH, giữa tác giả và Trường Đại học Vinh
2	Sinh lý người và động vật	GT	NXB Đại học Vinh, 2006. ISBN: 978-604-923-247-3	5	Chủ biên	Tham gia biên soạn chương 1,2,3,4,7	Hợp đồng biên soạn giáo trình số 12/2023/HĐ-TLGT-ĐH, giữa tác giả và

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDDH
							Trường Đại học Vinh
3	Đặc điểm sinh học của tôm sú, một số bệnh thường gặp và phương pháp chẩn đoán.	CK	NXB Đại học Quốc Gia 2023.	4	Chủ biên	Tham gia biên soạn chương 1,4,6	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 796/ĐHV-TV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1.1	"Nghiên cứu sự thay đổi một số chỉ tiêu sinh lý của sinh viên trường đại học vinh trên thiết bị Powerlab"	CN	T2006-04-01; Trường Đại học Vinh	3/2006 - 11/2006	Ngày 5/12/2006 Xếp loại: Tốt
1.2	" Phân lập và tách chiết thành phần của Monodon baculovirus gây bệnh trên tôm sú (Penaeus monodon).".	CN	T2011-04-01; Trường Đại học Vinh	10/5/2011 - 8/12/2011	Ngày 8/12/2011 Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
2.1	Nghiên cứu khả năng biệt hoá của các tế bào gốc tạo máu CD34 ⁺ sau quá trình ghép tủy	CN	Mã số: T2016-38 Trường Đại học Vinh		Ngày 12/12/2016 Xếp loại: Đạt
2.2	Lập bản đồ gen tôm sú (<i>P.monodon</i>).	CN nhánh	Mã số NVQG/2011-2011-2017 24		Ngày 6/8/2018 Xếp loại: Đạt

			Bộ KH&CN		
2.3	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài Trà hoa vàng quý hiếm ở Hà Tĩnh.	TK	409/QĐ-SKHCN; Sở KH&CN Hà Tĩnh	7/2020 3/2022	Ngày 10/4/2022; Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Nghiên cứu sự thay đổi chỉ số hô hấp và tim mạch bằng nghiệm pháp gắng sức trên thiết bị Powerlab.	02	x	NXB KH&KT, 2005.			Tr:5-14	2005
2	Năng lực trí tuệ và khả năng xử lý thông tin của sinh viên trường Đại học Vinh	03		NXB KH&KT, 2005..			Tr:77-83	2005
3	Một số dẫn liệu về các yếu tố môi trường và đặc điểm hình thái, sinh lý cá trong các mô hình sinh thái cá - lúa ở tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh	02		Tạp chí khoa học trường đại học Vinh ISSN 1859 – 2228.			Tr: 97 –10	2007
4	Thực trạng một số dị tật học đường và ảnh hưởng của chúng lên năng lực thể chất của học sinh tại trường THPT Nam Đàn I - Nghệ An	05		NXB thể dục thể thao			Tr323- 328	2006
5	Các chỉ tiêu hình thái, dị tật học đường của học sinh và trang thiết bị phòng học ở một số trường phổ thông thuộc 2 tỉnh Nghệ An và Thanh hóa	06		NXB thể dục thể thao			330-334	2006

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
6	Debromoaplysiatoxin, a cytotoxic metabolite from the marine cyanobacterium <i>Lyngby majuscula</i> From Vietnam	04		Proceedings of the Workshop Coastal marine biodiversity and bioresources of Vietnam and adjacent areas to the Couth China sea			101-105	2011
7	Tìm hiểu hoạt tính ức chế tăng trưởng tế bào ung thư cổ tử cung Hela của dịch chiết một số cây thuốc	04		Tạp chí Y học Việt Nam ISN: 1859-1868			Tập số 2 tr185-189	2011
8	Flourensadiol- hợp chất kháng sinh tách chiết từ vi khuẩn <i>Anabaena</i> sp	06		Tạp chí Y học Việt Nam ISN: 1859-188			Số 2: 194-199	2011
9	Nghiên cứu chế tạo que thử nhanh phát hiện bệnh đốm trắng trên tôm nuôi (<i>Penaeus Monodon</i>)	12		Tạp chí Công Nghệ Sinh học. ISN: 1811-4989			Tập 10(1)0: 145-150	2012
10	Tinh chế protein polyhedrin của monodon baculovirus (MBV) gây bệnh trên tôm sú (<i>penaeus monodon</i>)	04	x	Tạp chí Công Nghệ Sinh học. ISN: 1811-4989			Tập 9(3): 309-315	2011
11	Phát hiện sự xâm nhiễm của Monodon baculovirus(MBV) trên tôm sú bằng kỹ thuật hóa mô	03	X	Tạp chí Khoa học và công nghệ. ISN: 0866-708x			Tập 49-Số 3A :283-290	2011
12	Tách dòng, biểu hiện và tinh sạch gen mã hóa polyhedrin của monodon baculovirus (MBV) ở vi khuẩn	03		Tạp chí Công Nghệ Sinh học. ISN: 1811-4989.			Tập 9 Số 4:487-492	2011
13	Nghiên cứu khả năng đáp ứng miễn dịch với kháng nguyên polyhedrin của Monodon baculovirus (MBV) trên chuột BALB/c	05	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ ISN 0866-708x			Tập 49(4), Tr: 67-74	2011
14	Nghiên cứu sự biến đổi di truyền của chủng <i>Monodon baculovirus</i> (MBV) gây	04	x	Hội nghị khoa học công nghệ biển toàn quốc lần thứ V NxB: KHTN và CN			Quyển 4: 368- 377	2011

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	bệnh trên tôm Sú (<i>Penaeus monodon</i>) của Việt Nam							
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
15	Characterization of tere protein – an essential part of tellurite resistance determinant in escherichia coli	04		Tạp chí Công Nghệ Sinh học. ISN: 1811-4989.			Tập 10(1): 1-6	2012
16	Ứng dụng kỹ thuật hóa mô miễn dịch trong chẩn đoán, phân loại ung thư	06	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISN: 1859- 1868			Số đặc biệt Tr.137-142.	2014
17	Dẫn liệu về hình thái và phân bố của loài cá chai Sorsogona tuberculata (<i>Cuvier, in Cuv. & Val.,1829</i>) (Perciformes: platycephalidae) ở vùng biển Cửa Lò, Nghệ An	05		Báo cáo KH về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị Khoa học Toàn quốc lần 6, NXB KH Tự nhiên & Công nghệ, Hà Nội, ISBN 978- 604-913-408-1			Trang 161- 165	2015
18	Phát hiện virus đốm trắng (wssv) trên tôm bằng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang.	02	X	Tạp chí Công Nghệ Sinh học. ISN: 1811-4989.		04	Tập 13(04): 11053-1059	2015
19	Kết quả điều tra bước đầu về nguồn lợi cá vùng ven biển huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	05		Báo cáo khoa học về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.			Trang 711- 717	2016
20	Xác định số lượng tế bào gốc tạo máu CD34+ cần huy động cho mỗi ca ghép tủy	02	x	Tạp chí Y học thực hành. ISN: 1859- 1663			Tập 12 (1030): tr 9- 13	2016
21	Phân tích trình tự gen mã hoá polyhedrin của monodon Baculovirus (MBV) gây bệnh trên tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) Việt Nam	03	x	Tạp chí Sinh học ISSN:1811-4989			Tập 12 (1): 55-61	2017
22	Phân tích đặc điểm phân tử bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ tại bệnh viện Ung bướu Nghệ An	06	x	Tạp chí Đại học Vinh. tr 56-61 ISN: 1859 – 2228/ e-ISSN 1859-2228			Tập 47 Số 1A: 56-61	2018

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
23	Đặc điểm phân tử gen FHBP của vi khuẩn <i>Neisseria Meningitidis</i> lưu hành tại một số đơn vị quân đội khu vực miền Bắc Việt Nam từ 208 -2017	08		Y học cộng đồng, ISSN 2354--0613			Số 41:63-69	2017
24	<i>Zingiber zerumbet</i> Rhizome Essential Oil: Chemical Composition, Antimicrobial and Mosquito Larvicidal Activities	07		European Journal of Medicinal Plants ISSN: 2231-0894, NLM ID: 101583475			Volume 30(4): 1-12	2019
25	Nanoliposomal L-Asparaginase and Its Antitumor Activities in Lewis Lung Carcinoma Tumor-Induced BALB/c Mice	06		Hindawi Advances in Materials Science and Engineering https://doi.org/10.1155/2019/3534807	Scopus; Q3: IF: 2.098		Volume 2019, Article ID 3534807, 8 pages	2019
26	Mosquito Larvicidal Activity, Antimicrobial Activity, and Chemical Compositions of Essential Oils from Four Species of Myrtaceae from Central Vietnam.	08	x	Plants doi:10.3390/plants9040544	SCIE, Q1; IF: 4.5		Volume 9/Issue 4 19 pages	2020
27	Ảnh hưởng của iốt phóng xạ (131I) lên các tế bào máu của	02	x	Tạp chí Công Nghệ Sinh học. ISN: 1811-4989.			Tập 19(3): 449- 457	2021
28	Đặc điểm hình thái, sinh thái và phân bố của trà hoa vàng Vũ Quang (<i>Camellia vuquangensis</i>) và trà hoa vàng hà tĩnh (<i>Camellia hatinhensis</i>) ở vườn quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.	04		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228.			Tập 51(2A): 49-57	2022
29	Thực trạng cận thị học đường và các yếu tố liên quan ở học sinh tiểu học tại quận I thành phố Hồ Chí Minh	05		Y học Việt Nam			Tập 515(2);60- 63	2022
30	Khảo sát độc tính cấp và bán trường diễn của bài thuốc Nobel tặng	02	x	Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc ISBN 097-604-357-052-6			355-362	2022

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	cường miễn dịch cho bệnh nhân ung thư.							
31	Nghiên cứu đặc điểm bệnh nhân và sự thay đổi chức năng gan, thận sau điều trị ung thư tuyến giáp thể biệt hoá bằng ¹³¹ I	05	x	Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc ISBN 097-604-357- 052-6			390-395	2022
32	Essential Oils of Lauraceae: Antimicrobial Activity and Constituents of <i>Phoebe macrocarpa</i> C.Y. Wu Leaf Essential Oil from Vietnam	05		Journal of Essential Oil Bearing Plants DOI: 10.1080/0972060X. 2022.2072694	SCIE, Q3, IF: 1.971		Vol25 (2) 2022 pp 297 - 304	2022
33	Compositions and Antimicrobial Activity of Essential Oils from the Leaves of <i>Beilschmiedia fordii</i> Dunn. and <i>Lindera</i> <i>glauca</i> (Siebold & Zucc.) Blume from Vietnam	04	X	Journal of Essential Oil Bearing Plants EISSN:00976-5026	SCIE, Q3, IF: 1.971		Vol. 25 (1) 2022 pp 93 - 102	2022
34	Lipid peroxidation inhibitory and cytotoxic activities of two <i>Camellia</i> species growing wild in Vietnam,	08	x	Pharmacognosy Magazine,	SCIE, Q3, IF: 0.7		Volume 19, Issue 2, June 2023, Pages 385-399	2023
35	Phytochemical analysis of the essential oils from the rhizomes of three Vietnamese <i>Curcuma</i> Species and their antimicrobial activity	11		Natural Product Communications ISSN: 1555-9475, 1934-578X	SCIE, Q3, IF: 1.8		18, 4, 1-8	2023
36	Chemical Components and Antimicrobial Properties of Essential Oil Distilled from <i>Siliquamomum oreodoxa</i> N.S. Lý & Škorničk	10		Journal of Essential Oil Bearing Plants ISSN: 0972-060X	SCIE, Q3, IF:2.4		26, 3, 1-9	2023

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	(Zingiberaceae) Rhizomes							
37	Cinchonain Ia shows promising antitumor effects in combination with L-asparaginase-loaded nanoliposomes	05		Pharmaceutics, ISSN: 1999-4923	SCIE, Q1, IF:5.4		Vol. 25(2) P. 297-304	2022
38	Chemical constituents and antimicrobial activity Of <i>Tsoongiodendron odorum</i> and <i>Manglietia chevalieri</i> essential oils from vietnam	05		Chemistry of Natural Compounds, ISSN: 0009-3130 (Print), 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3 IF: 0.798		Vol. 59, No. 3	Tháng 05/ 2023
39	Utilizing immune signatures for Breast cancer subtyping in treatment approaches	09	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, ISSN 1859 – 2228/ e-ISSN 1859-2228			Vol. 52 – 2A/2023	Tháng 06/2023
40	Đánh giá tỷ lệ sống trong bảo quản và khả năng biệt hóa của tế bào CD34 ⁺	02	x	Tạp chí sinh lý học Việt Nam ISSN: 1859-2376			Tập 27, số 2	6/2023
41	Analysis of fetal chromosome abnormalities by Karyotype		x	VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences,, ISSN 2615-9317. https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4533			Vol. xx, No. x (20xx) xx- xx	6/2023
42	Volatile Constituents and In vitro Antimicrobial Activities of Essential Oils from Leaves of <i>Silicamomum oreodoxa</i> N.S. Lý & Škorničk and <i>Curcuma thorelii</i> Gagnep. (Zingiberaceae) Growing in Vietnam.	10		Journal of Biologically Active Products from Nature ISSN: 2231-1874, 2231-1866	Scopus, Q3		13, 2, 145- 155	6/2023
43	Investigation of antioxidant and hepatoprotective	7	x	Tropical Journal of Natural Product Research	Scopus, Q4		Accepted	6/2023

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	activities of Paris polyphylla Sm. Rhizome extract in cyclophosphamide-induced hepatic damaged mice							
44	Essential oils of Lauraceae: antimicrobial activity and constituents of <i>Cinnamomum auricolor</i> Kosterm. and <i>Cinnamomum petelotii</i> Kosterm leaves essential oils from Vietnam	5		Journal of Essential Oil Bearing Plants	SCIE, Q3, IF: 2.136		Accepted	6/2023
45	Chemical Examination and Antimicrobial Activity of Essential Oils from the Leaves and Rhizomes of <i>Meistera caudata</i> Šída f. & Škorničk. (Zingiberaceae)	9		Journal of Biologically Active Products from Nature ISSN: 2231-1874, 2231-1866	Scopus, Q3		13, 1, 68-75	2023

Trong số 43 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học, có 29 bài đăng sau khi ứng viên là tiến sỹ, 16 bài ứng viên là người đứng đầu hoặc người liên hệ. Trong số 16 bài này, ứng viên lựa chọn 5 bài dưới đây để giới thiệu.

1. **Nguyễn Thị Giang An**, Đinh Duy Kháng, Hà Thị Thu, Đỗ Thị Thảo. Phát hiện virus đốm trắng (wssv) trên tôm bằng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang. *Tạp chí Công nghệ Sinh học* **13**(4): 1-7, 2015

Tóm tắt nội dung: Virus gây bệnh đốm trắng (WSSV) thuộc họ Nimaviridae, là một trong những tác nhân virus gây tổn thất nghiêm trọng cho ngành nuôi tôm công nghiệp. Kháng thể đơn dòng (mAbs) VP28 đã được sản xuất bằng con đường tái tổ hợp. Tế bào lách chuột đã được gây miễn dịch bởi protein VP28 sẽ được lại với tế bào Myeloma. Sau bước sàng lọc sẽ chọn được kháng thể đơn dòng kháng VP28. Để thu được lượng kháng thể lớn, dòng tế bào có hiệu giá kháng nguyên cao nhất sẽ được gây báng cho chuột. Dịch báng sau khi tinh sạch thu được hàm lượng kháng thể mAbs-VP28 đạt 2,08 mg/ml. Thông qua kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang, kháng thể tinh sạch đã có khả năng phát hiện WSSV trên tôm sú (*Penaeus monodon*) và tôm thẻ chân trắng (*Penaeus vannamei*) ở nồng độ rất thấp nhờ vào sự phát quang của hợp chất FITC. Kết quả cho thấy, nồng độ kháng thể tối thiểu để phát hiện WSSV là 0,4 µg/ml và hợp chất FITC pha loãng 2000 lần. Kháng thể đơn dòng mAbs-VP28 cho kết quả âm tính với mẫu tôm nhiễm virus đầu vàng (YHV) và virus gây bệnh còi (MBV).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2. **Nguyen Thi Giang An**, Dao Thi Minh Chau, Nguyen Huy Hung, Vu Van Khoa, Le Thi Huong, Do Thi Thao, Vo Thi Quynh Trang, Do Ngoc Dai, William N. Setzer, (2023), *Lipid peroxidation inhibitory and cytotoxic activities of two Camellia species growing wild in Vietnam*, *Pharmacognosy Magazine* 2023, 9(5), 606. (Q3, IF: 0.7). <https://doi.org/10.1177/09731296231158437>

Tóm tắt nội dung: Hai loài trà hoa vàng (*Camellia quephongensis*) và (*C. Puhoatensis*) là hai loài cây lâu năm của Việt Nam, có giá trị làm chè nước uống và cây thuốc. Lần đầu tiên, thành phần hóa học và sinh học của dịch chiết ethanol từ hoa và lá của hai loài Trà này xác định có thành phần của flavonoid, tanin, saponin, đường khử tự do và polysacarit. Dịch chiết ethanol 2 loài này tính kháng oxy hóa và hoạt tính ức chế peroxid lipid mạnh hơn so với chất đối chứng là trolox. Dịch chiết này có tính vượt trội so với streptomycin khi thử nghiệm trên các vi khuẩn Gram dương như *Enterococcus faecalis* ATCC299212 và vi khuẩn Gram âm như *Pseudomonas aeruginosa* ATCC27853 và *Salmonella enterica* ATCC13076. Mặt khác, dịch chiết của lá và hoa 2 loài trà này còn thể hiện tính gây độc tế bào với bảy dòng tế bào ung thư A549, HT-29, SK-Mel-2, HepG2, MCF-7, Hela và MKN-7 ở các mức kết quả khác nhau.

3. **Nguyen Thi Giang An**, Le Thi Huong, Prabodh Satyal, Thieu Anh Tai, Do Ngoc Dai, Nguyen Huy Hung, Nguyen Thi Bich Ngoc and William N. Setzer (2019), *Mosquito Larvicidal Activity, Antimicrobial Activity, and Chemical Compositions of Essential Oils from Four Species of Myrtaceae from Central Vietnam*. *Plants*; (SCIE, Q1, IF: 4.5). DOI: 10.3390/plants9040544

Tóm tắt nội dung: Nghiên cứu này đã tiến hành phân tích tinh dầu lá của 4 loài thuộc họ Sim (*Myrtaceae*), gồm: cây chổi xể (*Baekkea frutescens*), cây trà liễu (*Callistemon citrinus*), cây trà (*Melaleuca leucadendra*), và cây vối (*Syzygium nervosum*) được tách chiết, để kiểm tra hoạt tính diệt bọ gây đối với 3 loài muỗi, hoạt tính kháng khuẩn với 2 loài vi khuẩn và 01 loài nấm. Kết quả cho thấy, tinh dầu lá của lá loài *Callistemon citrinus* giàu (E)- α -pinene (35.1%), 1,8-cineole (32.4%), limonene (8.2%), and α -terpineol (5.8%), thể hiện hoạt tính diệt bọ gây rất cao với LC₅₀ trong 24 giờ là 117,3 μ g/mL, kháng các loại vi khuẩn với MIC= 16 μ g/mL. Tinh dầu lá của loài *M. leucadendra*, có nhiều α -eudesmol (17.6%), guaiol (10.9%), linalool (5.1%), (E)-caryophyllene (7.0%), and bulnesol (3.6%), thể hiện hoạt tính diệt ấu trùng muỗi *Culex quiquefasciatus* đáng chú ý (48 giờ LC₅₀ = 0,40 μ g/mL). Tinh dầu lá loài *M. Melaleuca* chứa thành phần (E)-caryophyllene (7.0%) và bulnesol, hoạt tính kháng ấu trùng muỗi trong 48h với LC₅₀= 1,4 và 1,8 μ g/mL trên loài muỗi vằn *Ae. aegypti* và *Culex*. Tương tự tinh dầu từ vỏ cây *M. leucadendra*, với α -eudesmol (24,1%) và guaiol (11,3%), thể hiện khả năng kháng khuẩn tốt. Tinh dầu từ lá cây *. frutescens* và *C. citrinus* đều thể hiện hoạt tính chống nấm *Candida* với giá trị MIC là 16 μ g/mL. Kết quả khảo sát này cho thấy các loại tinh dầu có nguồn gốc từ *Myrtaceae* có thể đóng vai trò là biện pháp xanh thay thế để kiểm soát muỗi hoặc các chất chống vi trùng bổ sung.

4. **Nguyễn thị giang an, trần quỳnh ngân** (2023). *Đánh giá tỷ lệ sống trong bảo quản và khả năng biệt hóa Của tế bào CD34+*. *Vietnam Journal of Physiology* 27(2), 6/2023 ISSN: 1859 – 2376. DOI: <https://doi.org/10.54928/vjop.v25i1>

Tóm tắt nội dung:

Tế bào gốc CD34+ được hình thành và cư ngụ ở tủy xương. Khi bị tổn thương, stress, hoặc nhiễm hóa chất các tế bào này sẽ di chuyển ra ngoại vi. Sau khi dùng hóa trị liều cao, các tế bào phân chia nhanh sẽ suy giảm đầu tiên, trong đó có tế bào máu. Liệu pháp ghép tế bào gốc có thể giúp điều trị các bệnh liên quan đến máu và ung thư. Các tế bào CD34+ sẽ được huy động bằng G-CSF ở những bệnh nhân ung thư có độ tuổi $40.31 \pm 8,45$ với thời gian huy động trung bình là $6,91 \pm 1,43$ ngày. Sau khi sử dụng G-CSF, số lượng tế bào CD34+ ra ngoại vi gấp 16,78 lần so với ban đầu. Tỷ lệ sống của tế bào CD34+ được đánh giá thông qua hệ thống máy đếm tế bào COBE spectra. Sau khi xử lý hóa chất tỷ lệ sống của tế bào là 89,72%, sau đánh thức từ trong nito lỏng tỷ lệ sống là 79,82% và sau 30 phút đánh thức là 54,50%. Sau khi ghép tế bào CD34+ với liều $107,71 \pm 11,5$ tế bào/bệnh nhân, sự biệt hóa sớm nhất xảy ra ở dòng tế bào bạch cầu trung tính vào ngày thứ 9 và tiểu cầu vào ngày thứ 10. Sự phục hồi các tế bào máu sẽ ổn định sau 3 tháng các dòng tế bào khác biệt hóa muộn hơn.

5. Nguyen Thi Giang An, Nguyen Thi Giang. Analysis of fetal chromosome abnormalities by karyotype. VNU Journal of Science: medical and Pharmaceutical Sciences. <https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4533>

Tóm tắt nội dung: Sàng lọc trước sinh là là một giải pháp phát hiện, can thiệp sớm ở giai đoạn thai nhi, nhằm đảm bảo sức khỏe cho những đứa trẻ khi chào đời. Sàng lọc trước sinh được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có sàng lọc sự bất thường NST bằng kỹ thuật karotype. NST của thai nhi được lấy ra từ các tế bào trong dịch ối. Sau khi nuôi cấy và nhuộm tương tế bào, các NST được nhuộm băng G và kiểm tra trên kính hiển vi. Kết quả sàng lọc ở 121 bệnh nhân có độ tuổi trung bình $32 \pm 6,69$. Tỷ lệ thai nhi bất thường NST chiếm 15,7%. Trong đó, hội chứng Edwards chiếm 5,78%, hội chứng Down chiếm 4,96%, bất thường cấu trúc NST chiếm 3,30%, hội chứng Patau chiếm 0,83% và hội chứng Turner chiếm 0,83%. Phân tích sự bất thường NST với các yếu tố liên quan cho thấy, có 21% thai phụ đã từng sảy thai, 23,1% có đã từng sinh con dị tật chiếm 23,1%, 8,3% trong gia đình có người mắc bệnh di truyền và 5% bố mẹ bất thường về NST. Sự bất thường của thai nhi có mối liên quan thuận chặt với độ tuổi trên 35 ($r = 0,08$ và $OR = 0,63$), tiền sử sảy thai ($r = 0,05$ và $OR = 1,38$), tiền sử gia đình mắc bệnh di truyền ($r = 0,04$ và $OR = 1,38$) và bố/mẹ đột biến NST ($r = 0,01$ và $OR = 1,08$), có mối tương quan thuận với yếu tố với kết quả sàng lọc bằng siêu âm ($r = 0,22$ và $OR = 5,48$) và sàng lọc máu ($r = 0,14$ và $OR = 1,22$).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích- Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình	Vai trò UV (Chủ	Văn bản giao nhiệm vụ (số,	Cơ quan thẩm định,	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
----	------------------------------------	-----------------	----------------------------	--------------------	---------------------------------	---------

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	 nghiên cứu ứng dụng KHCN	trì/ Tham gia)	 ngày, tháng, năm)	 đưa vào sử dụng		
1	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần <i>giải phẫu và sinh lý người tiếp cận CDIO</i> . Đề tài cấp trường.	CN	Mã đề tài : T2017-48TĐ, đã nghiệm thu.	1/2017 9/2017	Ngày 21/3/2018 Xếp loại: Đạt	
2	Nghiên cứu nội dung, phương pháp giảng dạy, kiến thức Sinh lý- tế bào theo hướng tiếp cận CDIO. Đề tài cấp trường.	TV	Mã đề tài : T2019-66TĐ, đã nghiệm thu.	7/2019 7/2020	Ngày 25/7/2020 Xếp loại: Đạt	
3	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kiến thức Cơ sở ngành Giáo dục mầm non theo hướng tiếp cận CDIO.	TV	Mã đề tài : T2018-20TĐ, đã nghiệm thu.	1/2018 12/2018	Ngày 26/7/2019 Xếp loại: Đạt	

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày 20 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Thị Giang An